

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (58 -)/DA21TYA

CBGD: Nguyễn Văn Phương (00341)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

19 / 07 / 2022

Phòng thi: D71.109

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111321003	Trần Tiến Anh	01/01/2000	Nam	8,9	4,3	6,6	001	<u>anh</u>		
2	111321006	Huỳnh Khánh Bằng	28/07/2002	Nam	8,7	4,0	6,4	002	<u>Bằng</u>		
3	111321007	Huỳnh Khánh Bằng	29/11/2003	Nam	8,5	4,3	6,4	003	<u>Bằng</u>		
4	111321008	Liêu Quân Bảo	07/03/2003	Nam	9,0	4,0	6,5	004	<u>Bảo</u>		
5	111321010	Lê Văn Châm	10/10/2003	Nam	8,9	4,5	6,7	005	<u>cham</u>		
6	111321014	Diệp Thị Hồng Đào	24/09/2003	Nữ	9,2	4,3	6,8	006	<u>Đào</u>		
7	111321016	Dương Tấn Đạt	12/05/2003	Nam	9,0	3,8	6,4	007	<u>Đạt</u>		
8	111321018	Thạch Ngọc Dinh	23/05/2003	Nam	8,7	3,8	6,3	008	<u>Dinh</u>		
9	111321019	Nguyễn Ngọc Đình	23/04/2003	Nữ	8,7	3,8	6,3	009	<u>Đình</u>		
10	111321021	Nguyễn Minh Đức	06/02/2003	Nam	8,9	3,0	6,0	010	<u>Đức</u>		
11	111321024	Kim Huỳnh Chí Dũng	03/01/2003	Nam	8,9	4,0	6,5	001	<u>Dũng</u>		
12	111321025	Nguyễn Hoàng Duy	27/02/2003	Nam	9,2	3,8	6,5	010	<u>Duy</u>		
13	111321026	Thạch Duy	15/09/2003	Nam	9,2	3,0	6,1	013	<u>Duy</u>		
14	111321027	Nguyễn Văn Tường Duy	03/03/2003	Nam	9,5	3,0	6,3	014	<u>Duy</u>		
15	111321028	Nguyễn Tấn Kha	08/02/2003	Nam	8,0	3,0	5,5	015	<u>Kha</u>		
16	111321030	Trần Gia Hán	03/08/2003	Nam	8,7	4,5	6,6	016	<u>Hán</u>		
17	111321031	Nguyễn Thị Thúy Hằng	11/10/2003	Nữ	9,4	4,3	6,9	017	<u>Hằng</u>		
18	111321032	Đoàn Phúc Hậu	11/02/2003	Nam	9,5	4,5	7,0	018	<u>Hậu</u>		
19	111321033	Nguyễn Minh Hiền	10/11/2003	Nam	9,2	3,8	6,5	019	<u>Hiền</u>		
20	111321036	Trần Ngọc Hưng	08/11/1998	Nữ							

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 19

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 19

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Trần Ngọc Đình

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 23 tháng 8 năm 2022

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn La

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lanh

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

19/8

Đ71-110

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (58 -)/DA21TYA

CBGD: Nguyễn Văn Phương (00341)

Hình thức đánh giá: TN.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

19...../07...../2022

Phòng thi: Đ71-110.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	111321038	Đoàn Quốc Huy	10/06/2003	Nam	9,5	4,0	6,8	001	<u>[Signature]</u>		
2	111321039	Trịnh Hồ Xuân Huy	09/11/2003	Nam	8,9	2,3	5,6	002	<u>[Signature]</u>		
3	111321044	Lê Minh Khải	05/10/2003	Nam	9,2	3,3	6,3	003	<u>[Signature]</u>		
4	111321046	Thạch Văn Khánh	16/04/2003	Nam	8,7	4,0	6,4	004	<u>[Signature]</u>		
5	111321053	Nguyễn Trung Luyến	06/06/2001	Nam	9,2	5,3	7,3	005	<u>[Signature]</u>		
6	111321057	Dương Ngọc Diễm My	17/03/2003	Nữ	8,9	3,8	6,4	006	<u>[Signature]</u>		
7	111321059	Sơn Chí Nam	18/12/2003	Nam	—	—	—	—	—		Vắng
8	111321067	Trà Thị Bích Ngọc	04/04/2003	Nữ	9,2	4,5	6,9	008	<u>[Signature]</u>		
9	111321078	Lê Quang Phú	31/07/2002	Nam	8,8	5,0	6,9	009	<u>[Signature]</u>		
10	111321080	Nguyễn Hoàng Phúc	30/10/2002	Nam	9,0	5,0	7,0	010	<u>[Signature]</u>		
11	111321082	Nghị Yên Phụng	30/10/2003	Nữ	8,7	4,0	6,4	011	<u>[Signature]</u>		
12	111321083	Huỳnh Thiện Phước	14/08/2003	Nam	9,2	3,3	6,3	012	<u>[Signature]</u>		
13	111321085	Nguyễn Quách Anh Quốc	25/01/2003	Nam	8,9	4,5	6,7	013	<u>[Signature]</u>		
14	111321088	Kim Sa Rét	15/10/1997	Nam	9,0	4,5	6,8	014	<u>[Signature]</u>		
15	111321089	Lý Tấn Tài	10/06/2003	Nam	9,8	3,0	6,4	015	<u>[Signature]</u>		
16	111321093	Huỳnh Thanh Tân	23/08/2003	Nam	9,2	3,3	6,3	016	<u>[Signature]</u>		
17	111321100	Huỳnh Thanh Phú Thịnh	28/05/2003	Nam	8,7	2,5	5,6	017	<u>[Signature]</u>		
18	111321102	Kiên Thi Anh Thư	13/04/2003	Nữ	8,8	3,0	5,9	018	<u>[Signature]</u>		
19	111321103	Lâm Quốc Tiên	04/02/2003	Nam	9,2	3,3	6,3	019	<u>[Signature]</u>		
20	111321104	Sơn Thị Ngọc Trâm	04/08/2003	Nữ	—	—	—	—	—		Vắng

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 18.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 18.....

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1: [Signature] Cao Đình Phương Loan

Cán bộ coi thi 2:.....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 23... tháng 8... năm 2022

Cán bộ ghi điểm: [Signature]

Sơn Sơn La

Cán bộ kiểm tra: [Signature] Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

C71 206
20/8

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (58 -)/DA21TYA

CBGD: Nguyễn Văn Phương (00341)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
20 / 7 / 2022

Phòng thi: C71.20.6

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111321105	Nguyễn Thị Tú	Trần	28/08/2003	Nữ	9,5	4,8	7,2	005	Thuy	
2	111321107	Kim Thị Thùy	Trang	09/02/2003	Nữ	9,2	2,8	6,0	006	Thuy	
3	111321109	Phạm Thị Diễm	Trinh	15/06/2003	Nữ	9,4	4,0	6,7	007	Thuy	
4	111321114	Võ Anh	Tú	20/06/2003	Nam	9,3	4,0	6,7	008	Thuy	
5	111321117	Nguyễn Nhật	Tuấn	20/06/2003	Nam	9,0	4,3	6,7	009	Thuy	
6	111321124	Nguyễn Hải	Yến	23/12/2003	Nữ	8,9	4,3	6,6	010	Thuy	
7	111321126	Nguyễn Ngọc Phương	Thùy	23/12/2003	Nữ	8,4	3,0	5,7	011	Thuy	
8	111321151	Đoàn Đăng	Khôi	25/11/2003	Nam	9,3	4,3	6,8	012	Thuy	
9	111321160	Nguyễn Thị	Nhận	14/03/2003	Nữ	8,7	6,0	7,4	013	Thuy	
10	111321163	Nguyễn Vũ	Duy	28/10/2003	Nam	9,5	3,0	6,3	014	Thuy	
11	111321227	Đinh Phú	Hòa	03/06/2003	Nam	9,2	5,0	7,1	015	Thuy	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 11.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 11.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 11.....

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1: Trần Thị Thùy Dương

Cán bộ coi thi 2:.....

Điểm QT: 50.....%; Điểm KT: 50.....%

Trà Vinh, Ngày 28 tháng 8 năm 2022

Cán bộ ghi điểm: Trần Thị Thùy Dương

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

071.204
2018

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (58 -)/DA21TYB

CBGD: Nguyễn Văn Phương (00341)

Hình thức đánh giá: Đánh giá

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

20/7/2022

Phòng thi: C71.204

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	111321001	Lý Chấn An	02/12/2003	Nam	7,8	3,8	5,8	008			
2	111321002	Lữ Thị Lam Anh	01/12/2003	Nữ	9,2	6,5	7,9	009			
3	111321005	Lê Thị Ngọc Ánh	21/01/2003	Nữ	9,5	3,5	6,5	010			
4	111321009	Đặng Thái Bảo	04/07/2003	Nam							
5	111321012	Lê Quốc Cường	17/10/2003	Nam	8,2	2,5	5,4	012			
6	111321015	Dương Minh Đạt	24/10/2003	Nam	8,8	4,3	6,6	013			
7	111321017	Trần Thị Ngọc Diễm	29/06/2003	Nữ	7,5	4,0	5,8	014			
8	111321035	Trần Chí Hiếu	01/07/2003	Nam	8,7	3,8	6,3	015			
9	111321037	Quang Gia Huy	10/01/2003	Nam	8,0	3,5	5,8	016			
10	111321041	Bùi Thị Như Huỳnh	09/12/2003	Nữ	8,0	3,8	5,9	017			
11	111321042	Trần Quốc Khải	30/10/2003	Nam	8,7	3,8	6,3	018			
12	111321043	Lê Quang Khải	22/11/2003	Nam	8,3	3,5	5,9	019			
13	111321049	Đặng Tuấn Kiệt	30/08/2001	Nam							
14	111321052	Trần Quang Long	09/01/2003	Nam							
15	111321058	Kim Thị Ly Na	02/03/2003	Nữ							
16	111321061	Nguyễn Thị Kim Ngân	14/11/2003	Nữ							
17	111321066	Phan Đỗ Hồng Ngọc	22/10/2003	Nữ	9,5	4,5	7,0	024			
18	111321068	Nguyễn Vũ Nguyên	13/10/2003	Nam	8,8	5,8	7,3	025			
19	111321073	Nguyễn Thiện Nhân	01/10/2003	Nam	7,5	4,8	6,2	026			
20	111321074	Nguyễn Thị Nhi	09/12/2003	Nữ	8,0	5,3	6,7	027			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20...

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 15...

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 15...

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Văn Phương

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50.0%; Điểm KT: 50.0%

Trà Vinh, Ngày 23 tháng 8 năm 2022

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn La

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

C71.205
2018

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (58 -)/DA21TYB

CBGD: Nguyễn Văn Phương (00341)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

20/7/2022

Phòng thi: C71.205

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111321077	Trần Nguyễn Tấn Phát	19/01/2003	Nam	7,9	4,8	6,4	006	Phát		
2	111321086	Lê Phương Quyên	17/04/2002	Nữ	8,3	5,8	7,1	007	Quyên		
3	111321087	Nguyễn Trúc Quỳnh	22/09/2003	Nữ	9,3	5,3	7,3	008	Quỳnh		
4	111321097	Lê Chí Thiện	28/11/2003	Nam	8,8	3,8	6,3	009	Thiện		
5	111321099	Phan Quốc Thịnh	24/12/2003	Nam	8,0	4,0	6,0	010	Thịnh		
6	111321106	Châu Mỹ Trân	15/07/2003	Nữ	9,3	3,5	6,4	011	MyTrân		
7	111321110	La Thị Diễm Trinh	02/12/2003	Nữ							
8	111321111	Thạch Thị Thanh Trúc	15/11/2002	Nữ	9,1	4,8	7,0	013	Trúc		
9	111321112	Diệp Quốc Trung	21/01/2003	Nam	9,2	4,3	6,8	014	Trung		
10	111321113	Trần Nhật Trường	18/05/2003	Nam							
11	111321119	Lê Ngọc Thuý Uyên	10/10/2003	Nữ	9,0	3,0	6,0	016	Uyên		
12	111321120	Trần Phú Vinh	04/06/2002	Nam							
13	111321121	Nguyễn Ngọc Vy	28/12/2003	Nữ	9,2	3,5	6,4	018	Vy		
14	111321122	Bùi Thị Mỹ Xuyên	26/11/2003	Nữ	9,0	3,8	6,4	019	Xuyên		
15	111321123	Diệp Ngọc Yến	16/09/2003	Nữ							
16	111321125	Lê Thanh Sơn	11/05/2003	Nam	9,2	4,3	6,8	021	Sơn		
17	111321141	Từ Tuấn Anh	20/11/2003	Nam	8,2	5,0	6,6	022	Anh		
18	111321145	Huỳnh Công Diên	26/09/2003	Nam	8,5	3,3	5,9	023	Diên		
19	111321152	Tô Vinh Quang	06/08/2003	Nam							
20	111321153	Nguyễn Nhật Huy	01/07/2001	Nam	9,1	2,5	5,8	025	Huy		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20..

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 15..

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 15..

Tổng số tờ: ..

Điểm QT: 50...%; Điểm KT: 50...%

Trà Vinh, Ngày 23 tháng 8 năm 2022

Cán bộ coi thi 1: Cao Dương Phương Lan

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn La

Cán bộ coi thi 2: ..

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

071.206
20/7

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)
Số tín chỉ 3
Nhóm/Lớp: (58 -)/DA21TYB
CBGD: Nguyễn Văn Phương (00341)

Hình thức đánh giá: TN
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
20 / 7 / 2022
Phòng thi: 071.206

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111321156	Nguyễn Huỳnh Anh Thư	22/01/2003	Nữ	8,2	—	—	—	—	—	Vũ
2	111321158	Nguyễn Lê Huỳnh Mai	24/10/2003	Nữ	8,9	5,0	7,0	017	Nai	—	—
3	111321161	Trần Thị Bé	22/06/2003	Nữ	9,1	3,3	6,2	018	Ph	—	—
4	111321166	Trương Trọng Huỳnh	02/05/2003	Nam	9,5	3,8	6,7	019	Huỳnh	—	—
5	111321176	Trần Đại Phú	10/03/2003	Nam	8,8	4,0	6,4	020	Phu	—	—
6	111321178	Huỳnh Quốc Qui	17/03/2003	Nam	9,1	3,5	6,3	021	Qui	—	—
7	111321181	Hồ Chí Thiện	23/09/2003	Nam	8,8	4,3	6,6	022	Thien	—	—
8	111321201	Phùng Chí Bảo	16/03/2003	Nam	8,2	5,0	6,6	023	Bao	—	—
9	111321208	Trần Minh Phúc	02/01/2003	Nam	8,8	5,0	6,9	024	Phu	—	—
10	111321216	Lê Thế Thọ	20/01/2003	Nam	8,3	5,5	6,9	025	Tho	—	—
11	111321225	Tăng Thị Cẩm Tú	22/10/2003	Nữ	9,2	4,8	7,0	026	Tu	—	—
12	111321228	Thạch Thị Mỹ Hồng	24/12/2003	Nữ	9,3	5,0	7,2	027	Hong	—	—
13	111321232	Nguyễn Ngọc Mai	10/12/2003	Nữ	9,4	5,0	7,2	028	Mai	—	—
14	111321241	Nguyễn Thị Hồng Nhung	14/07/2003	Nữ	9,5	4,0	6,8	029	Nhung	—	—

Tổng số sv, hs trên danh sách: 14...
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 13...
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 13...
Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 23 tháng 8 năm 2022

Cán bộ coi thi 1: Lê Thị Thuý Dương

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn La

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

C71 205
20/7

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (58 -)/DA21QLTN

CBGD: Nguyễn Văn Phương (00341)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

20 / 7 / 2022

Phòng thi: C71. 205

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	119121002	Trần Thị Ngọc	Trâm	25/07/2003	Nữ	8,8	4,5	6,7	001	nghe	
2	119121003	Tô Thị Thu	Trinh	04/01/2003	Nữ	9,2	4,5	6,9	002	Thu	
3	119121005	Đặng Thị Thanh	Mỹ	05/07/2003	Nữ	9,2	4,5	6,9	003	Thanh	
4	119121006	Trương Thanh	Thiên	18/05/2003	Nam	9,5	4,3	6,9	004	Tham	
5	119121009	Nguyễn Ngọc	Ngân	02/10/2003	Nữ	9,2	5,0	7,1	005	Ngan	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 05.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 05.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 05.....

Tổng số tờ:.....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 23 tháng 8 năm 2022

Cán bộ coi thi 1: Châu Dương Phương Lan

Cán bộ ghi điểm: Phan Sơn La

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

071.206
2018

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ: 3

Nhóm/Lớp: (58 -)/DA21KTM

CBGD: Nguyễn Văn Phương (00341)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

10 / 7 / 2022

Phòng thi: C71 206

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116721001	Huỳnh Thị Gia	24/07/2003	Nữ	9,0	3,8	6,4	001	<i>[Signature]</i>		
2	116721004	Nguyễn Việt	14/08/2002	Nam	8,9	2,8	5,9	002	<i>[Signature]</i>		
3	116721006	Vũ Tiến	23/05/1999	Nam	—	—	—	—	—		Vay
4	116721007	Lê Kim	17/07/1989	Nữ	—	—	—	—	—		Vay

Tổng số sv, hs trên danh sách: 04

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 02

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 02

Tổng số tờ:

Trà Vinh, Ngày 23 tháng 8 năm 2022

Cán bộ coi thi 1: *[Signature]* Lê Thị Thủy Dương

Cán bộ ghi điểm: *[Signature]*

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: *[Signature]* Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

C71.204
20/7

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (58 -)/DA21CNSH

CBGD: Nguyễn Văn Phương (00341)

Hình thức đánh giá: Tiểu luận

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

20 / 7 / 2022

Phòng thi: C71.204

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	117721001	Nguyễn Tuyết Anh	05/01/2003	Nữ	9,0	6,0	7,5	001			6,0
2	117721002	Nguyễn Lý Ngọc Hân	15/09/2003	Nữ	8,9	5,5	7,2	002			
3	117721003	Huỳnh Lâm Anh Kiệt	16/12/2003	Nam	9,5	5,8	7,7	003			
4	117721006	Trần Thị Yến Như	25/05/2002	Nữ	9,0	4,8	6,9	004			
5	117721013	Đặng Thị Oanh Yến	08/12/2003	Nữ	9,4	5,3	7,4	005			
6	117721014	Dương Tiểu Muội	11/10/2003	Nữ	9,0	5,5	7,3	006			
7	117721017	Nguyễn Như Khải	31/08/2003	Nam	9,2	5,0	7,1	007			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 07

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 07

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 07

Tổng số tờ: 07

Cán bộ coi thi 1:

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 23 tháng 8 năm 2022

Cán bộ ghi điểm:

Cán bộ kiểm tra: